

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4**Bộ sách: Chân trời sáng tạo**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số chẵn:

A. 20 118

B. 31 645

C. 13 609

D. 72 813

Câu 2. Với a là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số thì biểu thức: $1\ 000 + 3 \times a$ có giá trị là:

A. 1 003

B. 8 024

C. 1 027

D. 1 024

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $58 + 65 + 31 = 65 + 31 + \dots$

A. 31

B. 65

C. 58

D. 89

Câu 4. Ngày thứ nhất, Nam đạp xe được 2 200 m. Ngày thứ hai, Nam đạp xe được nhiều hơn ngày thứ nhất 500 m. Hỏi trung bình mỗi ngày, Nam đạp xe được bao nhiêu mét?

A. 2 450 m

B. 1 350 m

C. 1 850 m

D. 2 100 m

Câu 5. Mẹ mua 3 kg cam phải trả 72 000 đồng. Hỏi nếu mẹ mua 4 kg cam phải trả tất cả bao nhiêu tiền?

A. 85 000 đồng

B. 96 000 đồng

C. 98 000 đồng

D. 100 000 đồng

Câu 6. Giá trị của biểu thức $2\ 514 \times a - b$ với $a = 6$ và $b = 200$ là:

A. 14 884

B. 14 888

C. 18 448

D. 14 488

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Cho dãy số liệu về thời gian tập thể dục mỗi ngày của các thành viên trong gia đình Linh như sau: 16 phút, 13 phút, 18 phút, 33 phút, 20. Hỏi:

a) Gia đình Linh có bao nhiêu thành viên?

b) Trung bình mỗi thành viên trong gia đình Linh dành bao nhiêu phút một ngày để tập thể dục?

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.a) $7\text{ dm}^2\ 9\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots\text{ cm}^2$ b) $15\text{ m}^2\ 3\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ dm}^2$

Câu 3. Chia đều 56 kg gạo thành 7 bao. Hỏi có 904 kg gạo thì chia đều được bao nhiêu bao như thế?

Câu 4. Bạn Duyên đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở ô li, mỗi quyển vở có giá 10 500 đồng và mua 3 chiếc bút chì, mỗi chiếc có giá 8 500 đồng. Hỏi Duyên phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $1\,463 + 267 + 1\,537 + 873 + 1\,733$

b) $71 \times 5 + 71 \times 3 + 71 \times 2$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số chẵn:

- A. 20 118 B. 31 645 C. 13 609 D. 72 813

Phương pháp

Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 là các số chẵn.

Lời giải

Số 20 118 là số chẵn vì chữ số tận cùng là 8.

Chọn A

Câu 2. Với a là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số thì biểu thức: $1\ 000 + 3 \times a$ có giá trị là:

- A. 1 003 B. 8 024 C. 1 027 D. 1 024

Phương pháp

- Tìm số chẵn lớn nhất có 1 chữ số
- Thay chữ bằng số vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức đó

Lời giải

Số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là 8.

Với $a = 8$ thì $1\ 000 + 3 \times a = 1\ 000 + 3 \times 8 = 1\ 024$

Chọn D

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $58 + 65 + 31 = 65 + 31 + \dots\dots$

- A. 31 B. 65 C. 58 D. 89

Phương pháp

Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng để điền số thích hợp vào chỗ chấm

Lời giải

Ta có: $58 + 65 + 31 = 65 + 31 + 58$

Chọn C

Câu 4. Ngày thứ nhất, Nam đạp xe được 2 200 m. Ngày thứ hai, Nam đạp xe được nhiều hơn ngày thứ nhất 500 m. Hỏi trung bình mỗi ngày, Nam đạp xe được bao nhiêu mét?

- A. 2 450 m B. 1 350 m C. 1 850 m D. 2 100 m

Phương pháp

- Tìm số mét Nam đạp xe được trong ngày thứ hai
- Số mét trung bình mỗi ngày Nam đạp xe = Tổng số mét Nam đạp xe trong 2 ngày : 2

Lời giải

Ngày thứ hai Nam đạp xe được số mét là:

$$2\,200 + 500 = 2\,700 \text{ (m)}$$

Trung bình mỗi ngày, Nam đạp xe được số mét là:

$$(2\,200 + 2\,700) : 2 = 2\,450 \text{ (m)}$$

Đáp số: 2 450 m

Chọn A

Câu 5. Mẹ mua 3 kg cam phải trả 72 000 đồng. Hỏi nếu mẹ mua 4 kg cam phải trả tất cả bao nhiêu tiền?

- A. 85 000 đồng B. 96 000 đồng C. 98 000 đồng D. 100 000 đồng

Phương pháp

- Tìm giá tiền của 1 kg cam
- Tìm giá tiền của 4 kg cam

Lời giải

Giá tiền của 1 kg cam là: $72\,000 : 3 = 24\,000$ (đồng)

Mẹ mua 4 kg cam phải trả số tiền là $24\,000 \times 4 = 96\,000$ (đồng)

Đáp số: 96 000 đồng

Chọn B

Câu 6. Giá trị của biểu thức $2\,514 \times a - b$ với $a = 6$ và $b = 200$ là:

- A. 14 884 B. 14 888 C. 18 448 D. 14 488

Phương pháp

Thay chữ bằng số rồi tính giá trị của biểu thức.

Lời giải

Với $a = 6$ và $b = 200$ thì $2\,514 \times a - b = 2\,514 \times 6 - 200 = 15\,084 - 200 = 14\,884$

Chọn A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Cho dãy số liệu về thời gian tập thể dục mỗi ngày của các thành viên trong gia đình Linh như sau: 16 phút, 13 phút, 18 phút, 33 phút, 20 phút. Hỏi:

- a) Gia đình Linh có bao nhiêu thành viên?
- b) Trung bình mỗi thành viên trong gia đình Linh dành bao nhiêu phút một ngày để tập thể dục?

Phương pháp

- Dựa vào dãy số liệu để trả lời câu hỏi
- Thời gian tập thể dục trung bình của mỗi người = tổng thời gian tập thể dục của các thành viên : số thành viên

Lời giải

a) Gia đình Linh có **5** thành viên.

b) Trung bình mỗi thành viên trong gia đình Linh số phút một ngày để tập thể dục là:

$$(16 + 13 + 18 + 33 + 20) : 5 = 20 \text{ (phút)}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $7 \text{ dm}^2 9 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b) $15 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2 ; 1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$$

Lời giải

a) $7 \text{ dm}^2 9 \text{ cm}^2 = \mathbf{709} \text{ cm}^2$

b) $15 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2 = \mathbf{1 503} \text{ dm}^2$

Câu 3. Chia đều 56 kg gạo thành 7 bao. Hỏi có 904 kg gạo thì chia đều được bao nhiêu bao như thế?

Phương pháp

- Tìm số kg gạo trong mỗi bao
- Tìm số bao để đựng 904 kg gạo

Lời giải

Số kg gạo trong mỗi bao là:

$$56 : 7 = 8 \text{ (kg)}$$

Số bao để đựng hết 904 kg gạo là:

$$904 : 8 = 113 \text{ (bao)}$$

Đáp số: 113 bao gạo

Câu 4. Bạn Duyên đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở ô li, mỗi quyển vở có giá 10 500 đồng và mua 3 chiếc bút chì, mỗi chiếc có giá 8 500 đồng. Hỏi Duyên phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm giá tiền mua 5 quyển vở = Giá tiền mua 1 quyển vở x 5
- Tìm giá tiền mua 3 chiếc bút chì = Giá tiền mua 1 bút chì x 3
- Tìm số tiền Duyên phải trả người bán hàng

Lời giải

Giá tiền mua 5 quyển vở là:

$$10 500 \times 5 = 52 500 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền mua 3 chiếc bút chì là:

$$8\,500 \times 3 = 25\,500 \text{ (đồng)}$$

Duyên phải trả người bán hàng số tiền là:

$$52\,500 + 25\,500 = 78\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 78 000 đồng

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $1\,463 + 267 + 1\,537 + 873 + 1\,733$

b) $71 \times 5 + 71 \times 3 + 71 \times 2$

Phương pháp

a) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp để nhóm các số có tổng là số tròn nghìn với nhau.

b) Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c + a \times d = a \times (b + c + d)$

Lời giải

a) $1\,463 + 267 + 1\,537 + 873 + 1\,733$

$$= (1\,463 + 1\,537) + (267 + 1\,733) + 873$$

$$= 3\,000 + 2\,000 + 873$$

$$= 5\,000 + 873$$

$$= 5\,873$$

b) $71 \times 5 + 71 \times 3 + 71 \times 2 = 71 \times (5 + 3 + 2)$

$$= 71 \times 10$$

$$= 710$$

-----**HẾT**-----

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com